

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV
THƯ VIỆN TRƯỜNG

DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC KHOA NGÔN NGỮ HỌC

STT	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	LOẠI TL	TÀI LIỆU HỌC TẬP - THAM KHẢO	MÔN LOẠI	KHO	SỐ BẢN	GHI CHÚ SỐ HÓA	ĐKCB/ISBN
1	Triết học Mác – Lênin		GT	Giáo trình triết học Mác-Lênin/ Hội đồng biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. - Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2012. - 675 tr. ; 21 cm.	335.401 G434T	UEL-CS chính-Kho Tổng hợp	5	C	1001657
2	Triết học Mác – Lênin		GT	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)/ Bộ giáo dục và Đào tạo. - Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021. -559 tr. ; 21 cm.	335.4010711 G434T 2021	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	10	C	100100092110
3	Triết học Mác – Lênin		TK	Lịch sử Triết học (Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng)/ Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bùi Thanh Quất, Vũ Tinh chủ biên. - Hà Nội: Nxb. Giáo dục, 2001. - 455 tr. ; 20 cm.	109 L302S 2001	2,4	3	C	2VVa11496
4	Triết học Mác – Lênin		TK	Lịch sử Triết học/ Nguyễn Hữu Vui. - Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 1998. - 646 tr. ; 21 cm.	109 L302S 1998	2,4	3	C	2VVa4071
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Võ Thị Thu Trang	GT	Giáo trình kinh tế học chính trị Mác - Lênin/ Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh . - Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc Gia, 2008. - 678 tr. ; 21 cm.	335.43 GI-108T 2008	1,2,3,4	5	C	VVa36436

6	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Võ Thị Thu Trang	GT	Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin/ Bộ Giáo dục và Đào tạo . - Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2021. - 291 tr. ; 21 cm.	335.41207 G434T 2021	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100100092191
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đào Tuấn Hậu	GT	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học: dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị/ Bộ Giáo dục và Đào tạo . - Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2021. - 276 tr. ; 21 cm.	335.007 G434T 2021	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100100092189
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đào Tuấn Hậu	GT	Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin : dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh/ Bộ Giáo dục và Đào tạo . - Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2017. - 491 tr. ; 21 cm.	335.43 GI- 108T 2017	2	1	C	131000085084
9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đào Tuấn Hậu	GT	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh . - Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2008. - 558 tr. ; 21 cm.	335.43 GI- 108T 2008	5	10	C	GT18493
10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đào Tuấn Hậu	TK	Giáo trình lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa: hệ cử nhân chính trị/ Phan Thanh Khôi ... [và những người khác] . - Hà Nội: Nxb.Chính trị Quốc gia, 2002. - 175 tr. ; 19 cm	320.531	TV KHTH Kho 7	2	C	VN 1723/2002
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đào Tuấn Hậu	TK	Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/ Nguyễn Phú Trọng . - Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2001. - 413 tr. ; 22 cm.	320.531 V250Đ 2001	1,2,3	3	C(R- 2006)	3VVa9968
12	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Phương	GT	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam : dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị/ Bộ Giáo dục và Đào tạo : Nxb CTQG, 2021. - 439 tr. ; 21 cm.	324.2597075 G434T 2021	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100100092193

13	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Phương	TK	Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam/ Lê Mậu Hãn . - Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2021. - 222 tr. ; 19 cm.	324.2597075 L4331H 2021	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100100093133
14	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Phương	TK	Các đại hội đại biểu toàn quốc và hội nghị ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (1930 - 2006)/ Nguyễn Trọng Phúc. - Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2006. - 727 tr. ; 24 cm.	324.25971 C101Đ 2006	1,2,4	3	C	1VVa20816
15	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Phương	TK	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam/ Võ Nguyên Giáp . - Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2003. - 420 tr. ; 22 cm.	335.4346 T550T 2003	1,2,3,4	5	CR	3VVa13983
16	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Phương	TK	Đổi mới để tiến lên/ Nguyễn Văn Linh. - Hà Nội: Nhà xuất bản Sự Thật, 1988. - 234 tr. ; 19 cm.	324.259707 Đ452M 1988	3	2	C	3VN20138
17	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Nguyễn Thị Phương	web	http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/				C	
18	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	GT	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật, 2021. - 271 tr. ; 21 cm.	335.4346 G434T 2021	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100100092102
19	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Văn kiện Đảng. (Toàn tập)/ Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2006	324.2597075	1,2	69	C	VVa75114
20	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI/ Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011. - 336 tr. ; 19 cm.	324.259707 V115K 2011	1,2,3,4	8	C	VNa18276
21	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2014 - 2019/ Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng, 2016. - 447 tr. ; 19 cm.	324.2597071 V115K 2016	1	1	C	VNa22386

22	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: T1/ Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2021. - 291 tr. ; 19 cm.	324.2597075 V2171K 2021	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100100091883
23	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: T2/ Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2021. - 355 tr. ; 19 cm.	324.2597075 V2171K 2021	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100100091884
24	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 1. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.1- 2011	1	1	C	VVa50712
25	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 2. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450 T.2-2011	1	1	C	VVa50713
26	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 3. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.3- 2011	1	1	C	VVa50714
27	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 4. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.4- 2011	1	1	C	VVa50715
28	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 5. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.5- 2011	1	1	C	VVa50716
29	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 6. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.6- 2011	1	1	C	VVa50717
30	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 7. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.7- 2011	1	1	C	VVa50718
31	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 8. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.8- 2011	1	1	C	VVa50719
32	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 9. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.9- 2011	1	1	C	VVa50720
33	TƯ TƯỚNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 10. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.10- 2011	1	1	C	VVa50721

34	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 11. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.11-2011	1	1	C	VVa50722
35	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 12. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.12-2011	1	1	C	VVa50723
36	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 13. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.13-2011	1	1	C	VVa50724
37	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 14. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.14-2011	1	1	C	VVa50725
38	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Nguyễn Trọng Nghĩa	TK	Hồ Chí Minh toàn tập: Tập 15. - Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2011	335.4346 H450C T.15-2011	1	1	C	VVa50726
39	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	GT	Pháp luật đại cương/Nguyễn Thị Hồng Vân, NXB Khoa học Xã hội, năm 2021. - 287 tr. ; 21 cm.	340 PH109L 2021	1,2,3,4	5	C	131000083353
40	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	TK	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Hà Nội : Lao động, 2013. - 71 tr. ; 19 cm.	342.59703 H305P 2013	1,2,3,4	9	C	VNa22424
41	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	TK	Luật xử phạt vi phạm hành chính				C	
42	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	TK	Luật Phòng chống tham nhũng				C	
43	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	TK	Bộ luật dân sự : song ngữ Việt - Anh = Civil code (Vietnamese - English). - Hà Nội : Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2018. - 783 tr. ; 21 cm.	346.597 B6621L 2018	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100085076
44	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	TK	Luật Hôn nhân và gia đình				C	

45	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	TK	Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. - Hà Nội : Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017. - 494 tr. ; 21 cm.	345.597 B6621L 2017	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100081868
46	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	TK	Bộ luật Lao động. - Hà Nội : Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2020. - 191 tr. ; 19 cm.	344.59701 B6621L 2020	TVTT- Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100100091850
47	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	web	http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/				C	
48	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	web	http://www.na.gov.vn/htx/Vietnamese				C	
49	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	web	http://www.chinhphu.vn				C	
50	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	web	http://phapluattp.vn/				C	
51	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Văn Phái Phạm Thái Thuần	web	http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc				C	
52	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM		GT	Cơ sở văn hoá Việt Nam/ Trần Ngọc Thêm. - HN: Giáo dục, 1999. - 334 tr. ; 21 cm.	306.09597 C460S 1999	1,2,3,4	6	C	VVa63221
53	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM		GT	Cơ sở văn hoá Việt Nam/ Trần Quốc Vượng. - HN: Giáo dục, 2006. - 287 tr. : ảnh ; 21 cm.	306.09597 C460S 2006	1	1	C	VVa65065
54	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM		TK	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam/ Ngô Đức Thịnh. - TP.HCM: ĐHQG, 2019. - 598 tr. ; 24 cm.	306.09597 V115H 2019	1,2,3,4	4	C	VVa75622

55	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM		TK	Bản sắc văn hóa Việt Nam/ Phan Ngọc. -HN: Văn hóa Thông tin, 1998. - 580 tr. ; 20 cm.	306 B105S 1998	1	1	C	VVa55857
56	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM		TK	Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam : cái nhìn hệ thống - loại hình/ Trần Ngọc Thêm. - TP.HCM: TP.HCM,2001. - 690 tr. ; 24 cm.	306.09597 T310V 2001	1,2	1	CR	1VVa8046
57	Xã hội học đại cương	Nguyễn Nữ Nguyệt Anh	GT	Nhập môn Xã hội học/ Trần Thị Kim Xuyên và Nguyễn Thị Hồng Xoan . - NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005. - 343 tr. ; 21 cm.	301 NH123M 2005	5	10	CR	1GT16681
58	Xã hội học đại cương	Nguyễn Nữ Nguyệt Anh	GT	Xã hội học/ Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng . - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - 325 tr. ; 21 cm.	301 X100H 1999	2,3,4	7	C	3VVa4783
59	Xã hội học đại cương	Nguyễn Nữ Nguyệt Anh	web	Tạp chí Xã hội học http://ios.vass.gov.vn/noidung/tapchi/Lists/gioithieu/View_Detail.aspx				C	
60	Xã hội học đại cương	Nguyễn Nữ Nguyệt Anh	web	http://www.butkxahoihoc.com				C	
61	TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG	Nhan Thị Lạc An	TLHT	Tâm lý học và đời sống/ Richard J. Gerrig, Philip G. Zimbardo : NXB Lao động, 2013. - 662 tr. ; 27 cm.	150 T120L 2013	1	1	C	VLa5199
62	TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG	Nhan Thị Lạc An	TLHT	Tâm lý học căn bản/ Roberts Feldman : NXB Văn hóa Thông tin, 2004. - 701 tr. ; 27 cm.	150.1 T120L 2004	1,2,3,4	7	CR	3VLa1144
63	TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG	Nhan Thị Lạc An	TLHT	Tâm lý học đại cương/ Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành: NXBĐHQG Hà Nội, 2001. - 220 tr. ; 21 cm.	150.1 T120L 2001	5	10	C	2GT13559
64	HÁN VĂN CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TLHT	Giáo trình tiếng Hán, tập I: cơ sở/ Nguyễn Tri Tài . - TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2002. - 205 tr. ; 21 cm.	495.17 GI-108T T.1-2002	2	1	C	VVa54187
65	HÁN VĂN CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TK	Ngữ pháp Hán ngữ cổ và hiện đại/ Trần Văn Chánh . - TPHCM: Nxb. Trẻ, 2003. - 562 tr. ; 21 cm.	495.15 T7721C 2003	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100001436

66	HÁN VĂN CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TK	Toàn thư tự học chữ hán : văn ngôn - phật thư - bạch thoại - thư pháp/Trần Văn Chánh, Lê Anh Minh . - TP. HCM: Nxb. Từ điển bách khoa, 2013. - 791 tr. ; 21 cm.	495.179597 T406T 2013	2	1	C	131000079498
67	HÁN VĂN CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TK	Tự học Hán văn/ Nguyễn Khuê . - TP. HCM: Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh,2011. - 336 tr. ; 21 cm.	495.107 T550H 2011	2	1	C	VVa72771
68	HÁN VĂN CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TK	Tiếng Hoa thực hành : Hán văn/Trần Trọng San . - TP. HCM: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1991. - 337 tr. ; 20 cm.	495.186 T306H 1991	1,2	2	C	1VV5128
69	CHỮ NÔM CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TLHT	Chữ Nôm, cơ sở và nâng cao/ Nguyễn Khuê . - TPHCM: Nxb. ĐHQG-HCM, 2009. - 232 tr. ; 21 cm.	495.9227 CH550N 2009	1,2,3,4	10	C	VVa40252
70	CHỮ NÔM CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TK	Chữ Nôm – nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến/ Đào Duy Anh . - Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, 1975. - 224 tr. ; 19 cm.	495.9227 CH550N 1975	1,2,3	3	C	2VN26650
71	CHỮ NÔM CƠ BẢN	Nguyễn Đông Triều	TK	Một số vấn đề về chữ Nôm/ Nguyễn Tài Cẩn . - Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1985		Khoa Ngôn ngữ học		C	
72	Phương pháp nghiên cứu khoa học		TLHT	Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội/Nguyễn Xuân Nghĩa: Nxb. Phương Đông, 2004. - 285tr. ; 20cm	300.7	TV KHTH Kho 7	2	C	VN 3518/2006
73	Phương pháp nghiên cứu khoa học		TLHT	Phương pháp nghiên cứu xã hội học/Phạm văn Quyết- Nguyễn Quý Thanh, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2011. - 445 tr. ; 24 cm.	301.072 PH561P 2011	1,2,3,4	7	C	VVa46828
74	Phương pháp nghiên cứu khoa học		TLHT	Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học - tiếp cận định lượng và định tính/H.Russel Bernard: Nxb. ĐHQG HCM, 2007. - 561 tr. ; 27 cm.	301.01 C101P 2007	1,2,3,4	10	CR	VLa2502

75	Phương pháp nghiên cứu khoa học		TLHT	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học/Vũ Cao Đàm: Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, 2011. - 207 tr. ; 21 cm.	001.42 V986D 2011	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	2	C	100061688
76	Phương pháp nghiên cứu khoa học		TLHT	Lôgic học và phương pháp luận nghiên cứu khoa học/Lê Từ Thành: Nxb. Trẻ, 1996. - 242 tr. ; 20 cm.	160 L450G 1996	1,2,3,4,5	10	CR	3VVa4037
77	Lịch sử văn minh thế giới	Phan Văn Cả	GT	Lịch sử văn minh thế giới/ Vũ Dương Ninh : Nxb Giáo dục, 2018. - 383 tr. ; 21 cm.	909 L302S 2018	1,2,3,4	4	CR	VVa74951
78	Lịch sử văn minh thế giới	Phan Văn Cả	TK	Lịch sử văn hóa thế giới cổ - trung đại/ Lương Ninh : Nxb Giáo dục, 1999. - 296 tr. ; 21 cm.	909 L302S 1999	1,2	3	CR	1VVa5481
79	Lịch sử văn minh thế giới	Phan Văn Cả	TK	Đại cương văn hóa phương Đông/ Lương Duy Thứ : Nxb Giáo dục, 1998. - 316 tr. ; 21 cm.	306 Đ103C 1998	1	1	C	VVa68184
80	Lịch sử văn minh thế giới	Phan Văn Cả	TK	ALMANACH những nền văn minh thế giới/Nhiều tác giả . - Hà Nội: Nxb Văn hóa thông tin, 2006. - 2231 tr. : hình ảnh ; 32 cm.	030.9 A100N 2006	1,2	3	C	VLa3093
81	Lịch sử văn minh thế giới	Phan Văn Cả	TK	Nguồn gốc văn minh/ Will Durant . - Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2021. - 218 tr. ; 21 cm.	901 NG517G 2021	1	1	C	131000084990
82	Logic học đại cương		GT	Nhập môn logic học/ Phạm Đình Nghiệm. - NXB ĐH Quốc gia, Tp.HCM, 2005. - 180 tr. ; 24 cm.	160 NH123M 2005	1,2	2	C	1VVa27301
83	Logic học đại cương		TK	Lôgic học/Nguyễn Anh Thường, Phạm Thị Loan . - Tp.HCM: NXB ĐH Quốc gia, 2021. - 211 tr. ; 24 cm.	160 L400H 2021	1,2,3,4	10	C	131000085737
84	Logic học đại cương		TK	Logic học phổ thông/ Hoàng Chung: NXB Giáo dục, 1994. - 158 tr. ; 19 cm.	160 L427H 1994	1	1	CR	VVa56179

85	Logic học đại cương		TK	Giáo trình Nhập môn lôgic học/Bùi Văn Mưa và Nguyễn Ngọc Thu. - Tp.HCM: NXB ĐH Quốc gia, Tp.HCM, 2003. - 175 tr. ; 21 cm.	160 B9321V 2003	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100073604
86	Logic học đại cương		TK	Giáo trình Nhập môn lôgic hình thức/Nguyễn Đức Dân. - Tp.HCM: NXB ĐH Quốc gia, Tp.HCM, 2007. - 257 tr. ; 21 cm.	160.707 N5764D 2007	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100028277
87	Nhân học đại cương		TLHT	Nhân học đại cương/ Nguyễn Văn Tiệp... [và những người khác]. - Tp.HCM: NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2013. - 495 tr. ; 21 cm.	301.01 NH121H 2013	1,2,3,5	10	C	VVa58062
88	Nhân học đại cương		TLHT	Dân tộc học đại cương/ Lê Sĩ Giáo (Cb); Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng; NXB Giáo dục, 2001. - 219 tr. ; 21 cm.	305.8 D121T 2001	6	10	C	2GT14186
89	Nhân học đại cương		TLHT	Dân tộc học đại cương/ Đặng Nghiêm Vạn, Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp : NXB Giáo dục, 1998. - 255 tr. ; 21 cm.	305.8 D182V 1998	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100002230
90	Nhân học đại cương		TLHT	Nhân học, một quan điểm về tình trạng nhân sinh/Emily a. Schultz-robert h. Lavenda : NXB Chính trị Quốc gia, HN, 2001. - 506 tr. ; 27 cm.	301 NH121H 2001	1,2	2	CR	1VVa8600
91	Nhân học đại cương		TLHT	Nhân học văn hoá, con người với thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên (sách tham khảo)/ Vũ Minh Chi . - Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2004. - 419 tr. ; 21 cm.	306.4 NH121H 2004	1,2,3,4	5	CR	3VVa18448
92	MỸ HỌC ĐẠI CƯƠNG	TRẦN KỲ ĐỒNG	GT	Dẫn luận về cái Đẹp/Roger Scruton ; Người dịch, Thái An. - Hà Nội: Hồng Đức, 2016. - 311 tr. ; 20 cm.	701 D121L 2016	2	1	C	VVa75315

93	MỸ HỌC ĐẠI CƯƠNG	TRẦN KỲ ĐỒNG	GT	Giáo trình Mỹ học Mác –Lênin/ Đỗ Huy Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Ngọc Long. - Hà Nội: Chính trị Quốc gia, 2000. - 403 tr. ; 19 cm.	111.85 D6311H	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100000788
94	MỸ HỌC ĐẠI CƯƠNG	TRẦN KỲ ĐỒNG	TK	Khám phá thế giới Mỹ thuật/ Laurie Schieider Adams; người dịch Trần Văn Huân. - Hà Nội: Mỹ thuật, 2006. - 216 tr. ; 21 cm.	700.7 KH104P	1,2,3,4	5	C	3VVa21899
95	CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG	VÕ CHÂU THỊNH	TLHT	Giáo trình Lịch sử các học thuyết chính trị/Đinh Ngọc Thạch, Trần Quang Thái . - TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM, 2016. - 375 tr. ; 24 cm.	320.5 GI-108T 2016	1,2	2	C	VVa69600
96	CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG	VÕ CHÂU THỊNH	TLHT	Giáo trình Chính trị học đại cương/Nguyễn Văn Vĩnh, Lê Văn Đình . - Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2015. - 391 tr. : minh họa ; 24 cm.	320 NG-V	HCMUT-CS1-Nội văn	5	C	2015329437
97	TÔN GIÁO HỌC ĐẠI CƯƠNG	TRẦN KỲ ĐỒNG	GT	Giáo trình Tôn giáo học/ Trần Đăng Sinh - Đào Đức Doãn. - Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2014. - 276 tr. ; 21 cm.	200 GI-108T 2014	1,2,3,4	6	C	VVa68023
98	TÔN GIÁO HỌC ĐẠI CƯƠNG	TRẦN KỲ ĐỒNG	GT	Một số tôn giáo ở Việt Nam/ Nguyễn Thanh Xuân . - Hà Nội: Tôn giáo, 2007. - 582 tr. ; 21 cm.	200.9597 M458S 2007	1,2,3,4	5	C	VVa31039
99	TÔN GIÁO HỌC ĐẠI CƯƠNG	TRẦN KỲ ĐỒNG	TK	Tôn giáo học là gì?/Trương Chí Cương; người dịch: Trần Nghĩa Phương . - Tp.HCM: Tổng Hợp, 2007. - 466 tr. ; 21 cm.	100 T454G 2007	1,2,3,4	5	C	VVa41208
100	THỐNG KÊ CHO KHOA HỌC XÃ HỘI	Phạm Thị Thùy Trang	GT	Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội/Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng : Nhà xuất bản thống kê, 2007. - 511 tr. ; 24 cm.	330.0727 TH455K 2007	1,2,3,4	5	CR	VVa34064
101	THỐNG KÊ CHO KHOA HỌC XÃ HỘI	Phạm Thị Thùy Trang	TK	Giáo trình SPSS: Dành cho sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn/Nguyễn Văn Thắng và Phan Thành Huân : Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TPHCM, 2003. - 226 tr. ; 24 cm.	005.2 GI-108T 2003	6	10	C	2GT17567

102	THỐNG KÊ CHO KHOA HỌC XÃ HỘI	Phạm Thị Thùy Trang	TK	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16: Tập 1/ Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc : Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008. - 295 tr. ; 24 cm.	005.5 PH121T T.1-2008	1,2,3,4	5	C	VVa57140
103	THỐNG KÊ CHO KHOA HỌC XÃ HỘI	Phạm Thị Thùy Trang	TK	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16: Tập 2/ Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc : Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008. - 179 tr. ; 24 cm.	005.5 PH121T T.2-2008	1,2,3,4	5	C	VVa57144
104	Môi trường và phát triển		GT	Môi Trường Và Phát Triển Bền Vững/ Nguyễn Đình Hòe : NXB Giáo Dục, 2006. - 138 tr. ; 21 cm.	363.707 N5764H 2006	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	4	C	100017232
105	Môi trường và phát triển		TK	Môi Trường/Lê Huy Bá : NXB ĐHQG Tp.HCM, 2000. - 417 tr. ; 21 cm.	333.7 M452T 2000	1,2,3,6	10	CR	3VVa9588
106	Môi trường và phát triển		TK	Sinh Thái Môi Trường Học Cơ Bản/Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết . - Tp.HCM: NXB ĐHQG Tp.HCM, 2005. - 575 tr. ; 24 cm.	577 S312T 2005	1,2,3,4	6	CR	3VVa21730
107	Môi trường và phát triển		TK	Tài Nguyên Môi trường Và Phát Triển Bền Vững/Lê Huy Bá . - NXB KH&KT, 2002. - 530 tr. ; 24 cm.	363.7 T103N 2002	1,2,3	3	CR	3VVa10876
108	Môi trường và phát triển		TK	Môi Trường Không Khí: Lý thuyết cơ bản, ô nhiễm bụi, ô nhiễm khí độc hại, ô nhiễm nhiệt, biến đổi khí hậu, ô nhiễm tiếng ồn, nguy cơ hiểm họa môi trường và các biện pháp xử lý giảm thiểu ô nhiễm/Phạm Ngọc Đăng : Nơi xuất bản: NXB KH&KT, 2003. - 436 tr. : minh họa ; 24 cm.	628.53 PH-D	HCMUT-CS2-Nội văn	10	C	3238242003
109	Dẫn luận ngôn ngữ		GT	Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học / Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng. - [Hà Nội] : Đại học sư phạm, 2007. - 187 tr. ; 24 cm.	410 GI-108T	1	1	CR	VVa48298

110	Dẫn luận ngôn ngữ		TK	Cơ sở ngôn ngữ học / Nguyễn Thiện Giáp. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1998. - 262 tr. ; 20 cm.	410.1 C460S 1998	1,2,3	4	C	3VVa4709
111	Dẫn luận ngôn ngữ		TK	Đại cương ngôn ngữ học. T.2, Ngữ dụng học / Đỗ Hữu Châu. - H. : Giáo dục, 2001. - 428 tr. ; 20 cm.	410 Đ103C	1,2,3,4	4	C, (R-2007)	3VVa10776
112	Thực hành văn bản tiếng Việt		GT	Tiếng Việt thực hành / Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng. - Hà Nội : Giáo dục, 2017. - 280 tr. ; 21 cm.	495.92207 T306V	1,2,3,4	4	C, (R-1998)	VVa73089
113	Thực hành văn bản tiếng Việt		GT	Soạn thảo văn bản và công tác văn thư, lưu trữ / Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 244 tr. ; 24 cm.	615.8 S406T	1,2,3,4	5	C	3VVa22572
114	Thực hành văn bản tiếng Việt		TK	Tiếng Việt thực hành / Nguyễn Minh Thuyết. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 236 tr. ; 20 cm.	495.922	HCMUS-TD-Phòng Lưu hành	10	C	70007815
115	Thực hành văn bản tiếng Việt		TK	Tiếng Việt thực hành / Hữu Đạt. - Hà Nội : Văn hóa - Thông tin, 2000. - 289 tr. ; 19 cm.	495.9228 T306	1,2,3,4,6	9	CR	3VNa7160
116	Ngữ âm học tiếng Việt		GT	Ngữ âm tiếng Việt / Đoàn Thiện Thuật. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003. - 365 tr. ; 19 cm.	495.922 NG550A	1	1	CR	VNa21933
117	Ngữ âm học tiếng Việt		TK	Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt / Đinh Lê Thư, Nguyễn Văn Huệ. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 213 tr. ; 21 cm.	495.9221 C460C	1,2,3,4,5,6		CR	3VVa3990
118	Ngữ âm học tiếng Việt		TK	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 751 tr. ; 24 cm.	495.922 T306V	1,2,3,4	5	CR	VVa73455
119	Ngữ âm học tiếng Việt		TK	Âm tiết và loại hình ngôn ngữ / Nguyễn Quang Hồng. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1994. - 334 tr. ; 20 cm.	414 A104T	1,2	3	C	VVa69301

120	Từ vựng học tiếng Việt		GT	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt / Đỗ Hữu Châu. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - 310 tr. ; 21 cm.	495.9222 T550V	1,2	2	CR	1VVa10778
121	Từ vựng học tiếng Việt		GT	Từ vựng học tiếng Việt / Nguyễn Thiện Giáp. -H. : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1985. - 366 tr ; 19 cm.	495.922014	Kho 7	2	C	VN 2667/86
122	Từ vựng học tiếng Việt		GT	Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại / Nguyễn Văn Tu. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1976. - 342 tr. ; 19 cm.	495.9222 T550V	0,1,2,3,4	11	CR	3VN25121
123	Từ vựng học tiếng Việt		TK	Phân tích ngữ nghĩa / Hoàng Phê // Ngôn ngữ. - 1975. - Số 2.		Báo - Tạp chí		C	
124	Ngữ pháp tiếng Việt		GT	Ngữ pháp tiếng Việt : từ loại I & II / Đinh Văn Đức. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. - 551 tr. ; 21 cm.	495.9225 D584D	Kho Sách (Tầng 2)	(TL hệ thối	C	100075450
125	Ngữ pháp tiếng Việt		GT	Câu tiếng Việt / Nguyễn Thị Lương. - Hà Nội : Đại học sư phạm, 2016. - 239 tr. ; 21 cm.	495.922 C125T	1,2,4	3	C	VVa74092
126	Ngữ pháp tiếng Việt		TK	Ngữ pháp tiếng Việt. T.1 / Diệp Quang Ban. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2016. - 191 tr. ; 21 cm.	495.922 NG550P	1,2,3,4	5	C	VVa70748
127	Ngữ pháp tiếng Việt		TK	Ngữ pháp tiếng Việt. T.2 / Diệp Quang Ban. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2015. - 259 tr. ; 21 cm.	495.922 NG550P	1,2,3,4	5	C	VVa70743
128	Ngữ pháp tiếng Việt		TK	Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt / Nguyễn Kim Thân. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 637 tr. ; 21 cm.	495.922 NGH305C	1	1	CR	VVa50178
129	Ngữ nghĩa học		GT	Giáo trình ngữ nghĩa học = Semantics a coursebook / James R. Hurford, Brendan Heasley ; Lê Hiền Thảo chú giải. - TP. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 293 tr. ; 21 cm.	428 GI-108T	1,2	2	C	1VVa9829
130	Ngữ nghĩa học		TK	Lô gích - ngữ nghĩa - cú pháp / Nguyễn Đức Dân. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1987. - 317 tr.		GV cung cấp		C	

131	Ngữ nghĩa học		TK	Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng. Q.1 / Cao Xuân Hạo - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1991.- 242 tr. ; 19 cm.	495.9225 T306V	1,2	2	CR	1VV5316
132	Ngữ nghĩa học		TK	Phân tích ngữ nghĩa / Hoàng Phê // Ngôn ngữ. - 1975. - Số 2.		Báo - Tạp chí		C	
133	Ngữ nghĩa học		TK	Hiển ngôn với hàm ngôn, một vấn đề thú vị trong chương trình lớp 11 PTTT hiện nay / Hoàng Tuệ// Ngôn ngữ. - 1991. - Số 3. - Tr. 14 - 16.		Báo - Tạp chí	2	CR(Bài trích TC)	
134	Ngữ dụng học		GT	Đại cương ngôn ngữ học. T.2, Ngữ dụng học / Đỗ Hữu Châu. - H. : Giáo dục, 2001. - 428 tr. ; 20 cm.	410 Đ103C	1,2,3,4	4	C, (R-2007)	3VVa10776
135	Ngữ dụng học		GT	Ngữ dụng học. T.1 / Nguyễn Đức Dân . - Tp. Hồ Chí Minh : Giáo dục, 1998. - 252 tr. ; 21 cm.	401.45 NG550D	1,2,3	4	C	3VVa4701
136	Ngữ dụng học		TK	Dụng học Việt ngữ / Nguyễn Thiện Giáp. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004. - 235 tr. ; 19 cm.	495.922 D513H	1,2,3,4	5	C	3VNa13977
137	Ngữ dụng học		TK	How to do things with words / J. L. Austin. - Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, 1962		GV cung cấp		C	
138	Ngữ dụng học		TK	Pragmatics : a reader / edited by Steven Davis. - New York : Oxford University Press, 1991. - viii, 595 p. ; 24 cm.	306.4 P898	1,2	2	C	AV16054
139	Ngôn Ngữ Học Xã Hội		GT	Ngôn ngữ học xã hội / Nguyễn Văn Khang. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2012		GV cung cấp		C	VVa75245
140	Ngôn Ngữ Học Xã Hội		GT	Kế hoạch hóa ngôn ngữ : Ngôn ngữ học xã hội vĩ mô / Nguyễn Văn Khang. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2003. - 498 tr. ; 21 cm.	410 N5764K	Kho Sách (Tầng 2), KTX	6	C	100000562

141	Ngôn Ngữ Học Xã Hội		TK	Tiếp xúc ngôn ngữ ở Việt Nam / Nguyễn Kiên Trường. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2005. - 305 tr. ; 24 cm.	495.92207 T307X 2005	1,2,3,4	5	CR	1VVa19169
142	Ngôn Ngữ Học Xã Hội		TK	Lịch sử Việt ngữ học. T.1 / Nguyễn Thiện Giáp chủ biên. - Giáo dục, 2008.		GV cung cấp		C	VVa71800
143	Ngôn Ngữ Học Xã Hội		TK	Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ / Colin Baker ; Đinh Lư Giang dịch ; Trần Thủy Vịnh hiệu đính. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2008. - 571 tr. ; 21 cm.	407 NH556C	1,2,3,4,5,6	20	C	VVa34584
144	Lịch sử tiếng Việt		GT	Giáo trình lịch sử tiếng Việt : Sơ khảo / Trần Trí Dõi. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. - 271 tr. ; 21 cm.	495.92209 T7721D	Kho Sách (Tầng 2)	3	C	100044688
145	Lịch sử tiếng Việt		GT	Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt / Nguyễn Tài Cẩn. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 348 tr. ; 20 cm.	495.9221 GI-108T	1,2,3,4	11	CR	3VVa4307
146	Lịch sử tiếng Việt		GT	Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử / Nguyễn Ngọc San. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2003. - 276 tr. : hình vẽ ; 20cm.	495.92201	Kho 7	2	CR	VN 1206/2004
147	Lịch sử tiếng Việt		TK	Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á / A. G. Haudricourt, Phan Ngọc dịch // Ngôn ngữ. - 1991. - Số 1.		Báo - Tạp chí	2	Bài trích tạp chí)	
148	Lịch sử tiếng Việt		TK	Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt / A. G. Haudricourt // Ngôn ngữ. - 1991. - Số 1.		Báo - Tạp chí	2	C	
149	Các Ngôn Ngữ Dân Tộc Thiểu Số Ở Việt Nam		GT	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ / Viện ngôn ngữ học - Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. - H. : Khoa học xã hội, 1984.	VN 98/85	KHO 7	1 (cho mượn về)	C	VN 98/85
150	Các Ngôn Ngữ Dân Tộc Thiểu Số Ở Việt Nam		TK	Các dân tộc ở Việt Nam : dẫn liệu nhân học - tộc người / Nguyễn Đình Khoa. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1983. - 183 tr.		Kho 7	4	CR	VV 3513

151	Các Ngôn Ngữ Dân Tộc Thiểu Số Ở Việt Nam		TK	Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt / Nguyễn Tài Cẩn. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 348 tr. ; 20 cm.	495.9221 GI-108T	1,2,3,4	11	CR	3VVa4307
152	Chữ viết và lịch sử chữ Quốc ngữ		GT	Chữ nôm cơ sở và nâng cao / Nguyễn Khuê. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2009. - 232 tr. ; 21 cm.	495.9227 CH550N	1,2,3,4	21	C	VVa40252
153	Chữ viết và lịch sử chữ Quốc ngữ		GT	Lý thuyết và thực hành chữ Nôm / Trần Trọng Dương. - H. : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016.		GV cung cấp		C	
154	Chữ viết và lịch sử chữ Quốc ngữ		GT	Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620 - 1659 / Đỗ Quang Chính. - TP. Hồ Chí Minh : Tôn giáo, 2008. - 222 tr. ; 21 cm.	495.922 L302S	2	1	C	VVa71982
155	Chữ viết và lịch sử chữ Quốc ngữ		GT	Tập bài giảng về Lịch sử chữ Quốc ngữ cho sinh viên ngành Ngôn ngữ học / Lê Trung Hoa (PGS.TS Ngôn ngữ học, đã nghỉ hưu), .		GV cung cấp		C	
156	Chữ viết và lịch sử chữ Quốc ngữ		TK	Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ 20 / Hoàng Tiến. - Hà Nội : Lao động, 1994.		GV cung cấp		C	1VN28065
157	Danh học: Nhân danh và Địa danh		GT	Địa danh học Việt Nam / Lê Trung Hoa. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2011. - 265 tr. ; 21 cm.	915.97 Đ301D	2	1	C	VVa72416
158	Danh học: Nhân danh và Địa danh		GT	Nhân danh học Việt Nam / Lê Trung Hoa. - TP. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2013. - 163 tr. ; 21 cm.	929.409597 NH121D	1,2,3,4	4	C	VVa58931
159	Danh học: Nhân danh và Địa danh		TK	Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam / Nguyễn Văn Âu. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002. - 155 tr. ; 21 cm.	915.97 M458S	1,2,3,4	4	C	3VVa23400
160	Danh học: Nhân danh và Địa danh		TK	Chuyện địa danh và chữ nghĩa Nam Bộ / Huỳnh Công Tín. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Văn nghệ, 2017. - 355 tr. ; 21 cm.	915.97 H987T	Kho Sách (Tầng 3), KTX	2	C	100081769
161	Danh học: Nhân danh và Địa danh		TK	Từ điển địa danh thành phố Hồ Chí Minh / Lê Trung Hoa. - Văn hóa dân gian, 2012		GV cung cấp		C	TDV2753

162	Ngôn Ngữ Và Văn Hóa		GT	Đặc trưng Văn hóa - Dân tộc của ngôn ngữ và tư duy / Nguyễn Đức Tồn. - Hà Nội : Từ điển bách khoa, 2010. - 635 tr. : minh họa ; 21 cm.	495.922 Đ113T	1,2,3,4	6	C	VVa45139
163	Ngôn Ngữ Và Văn Hóa		GT	Ngôn ngữ học tri nhận : từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt / Lý Toàn Thắng. - TP. Hồ Chí Minh : Phương Đông, 2009. - 358 tr. ; 24 cm.	410.1 NG454N	1,2	2	CR	VVa40505
164	Ngôn Ngữ Và Văn Hóa		TK	Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam / Trần Ngọc Thêm. - TP. Hồ Chí Minh : Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1996. - 670 tr. ; 21 cm.	306.09597 T310V	1,2	2	C	1VV9090
165	Ngôn Ngữ Và Văn Hóa		TK	Metaphors we live by / George Lakoff, Mark Johnson. - Chicago, Ill. ; London : University of Chicago Press, 2003. - xiii, 276 p. ; 22 cm.	401 M587	1	1	CR	AV17954
166	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt		GT	Thành ngữ học tiếng Việt / Hoàng Văn Hành. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2015. - 354 tr. ; 21 cm.	495.922 TH107N	1,2,3	3	CR	VVa67996
167	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt		GT	Idioms and idiomaticity / Chitra Feranando. - Oxford : Oxford University Press, 1996. - xix, 265 p. ; 23 cm.	423.1 F3639C	Kho Sách (Tầng 2)	1 (TL hệ thống)	C	100017762
168	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt		TK	Về tính biểu trưng của thành ngữ trong tiếng Việt / Bùi Khắc Việt // Ngôn ngữ. - 1978. - số 1.		Báo - tạp chí		C	
169	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt		TK	Thành ngữ trong tiếng Việt / Hoàng Văn Hành // Văn hóa dân gian. - 1987. - Số 17. - Tr. 25 - 32.		Báo - tạp chí		CR(Bài trích TC)	
170	Thành ngữ học và thành ngữ tiếng Việt		TK	Kể chuyện thành ngữ tục ngữ / Hoàng Văn Hành. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, T.1, 2, 1988, T.3, 1991.		GV cung cấp		C	3VVa11630

171	Từ Điển Học		GT	Từ điển học tính toán : sách chuyên khảo / Đinh Điền. - T.P. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia T.P. Hồ Chí Minh, 2019. - 355 tr. : minh họa ; 24 cm	413.0285	Kho mở I	2	C	K 6657 (TĐ 75) / ISBN 9786047368747
172	Từ Điển Học		GT	Một số vấn đề từ điển học / Nguyễn Ngọc Trâm, Hoàng Phê, Chu Bích Thu.... - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1997. - 278 tr. ; 19 cm.	403 M458S	1,2,3,4	6	C	3VNa7171
173	Từ Điển Học		TK	The Oxford guide to practical lexicography / B.T. Sue Atkins, Michael Rundell. - Oxford ; New York : Oxford University Press, 2008. - xii, 540 p. : ill. (some col.) ; 26 cm.	413.028 O-98	1,2	2	C	AV17964
174	Từ Điển Học		TK	Manual of lexicography / Ladislav Zgusta. - The Hague : Mouton, 1971. - 360 p ; 27 cm.	413.028 M294	1	1	C	1.31E+11
175	Từ và từ tiếng Việt		GT	Các bình diện của từ và từ tiếng Việt / Đỗ Hữu Châu. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997. - 215 tr. ; 21 cm.	495.9222 C101B	1,2,3,4	6	CR	3VVa3821
176	Từ và từ tiếng Việt		GT	Từ và nhận diện từ tiếng Việt / Nguyễn Thiện Giáp. - Hà Nội : Giáo dục, 1996. - 267 tr. ; 20 cm.	495.922 T550V	1	1	CR	1VVa3424
177	Từ và từ tiếng Việt		TK	Các bài giảng về lịch sử tiếng Việt (thế kỷ XX) / Đinh Văn Đức. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005. - 272 tr. ; 21 cm.	495.92209 C101B	1,2,3,4	5	C	3VVa23506
178	Từ và từ tiếng Việt		TK	Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại / Hồ Lê. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1976. - 390 tr. ; 19 cm.	495.92281 V1	0,2,3,4	14	C	3VN25749
179	Âm Vị Học Tiếng Việt		GT	Âm vị học và tuyến tính : suy nghĩ về các định đề của âm vị học đương đại / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2006. - 414 tr. ; 24 cm.	414 A120V	1,2,3,4	8	CR	3VVa22176

180	Âm Vĩ Học Tiếng Việt		TK	Ngữ âm tiếng Việt / Đoàn Thiện Thuật. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1977. - 347 tr. ; 19 cm.	495.922 NG550A	2,3,4	9	C	3VN30748
181	Âm Vĩ Học Tiếng Việt		TK	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 751 tr. ; 24 cm.	495.922 T306V	1,2,3,4	5	CR	VVa73455
182	Loại Hình Các Ngôn Ngữ		GT	Loại hình các ngôn ngữ / N.V. Xtankêvich. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1982. - 275 tr. ; 19 cm.	410.1 L404H	1	1	CR	VNa16747
183	Loại Hình Các Ngôn Ngữ		GT	Âm tiết và loại hình ngôn ngữ / Nguyễn Quang Hồng. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1994. - 334 tr. ; 20 cm.	414 A104T	1,2	3	C	VVa69301, 2VN27919
184	Loại Hình Các Ngôn Ngữ		TK	Language universals and linguistic typology : syntax and morphology / Bernard Comrie. - Chicago : University of Chicago Press, 1989. - xiii, 264 p. : map ; 23 cm.	415 L287	1	1	C	AV17668
185	Điền Dã Ngôn Ngữ Học		GT	Ngôn ngữ học điền dã : Tài liệu tham khảo, T.1 / W.J. Samatin. - TP. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Tổng hợp, 1978. - 131 tr. ; 31cm.	410.18 NG454N	1,2,3	4	C	1VLa00000038
186	Điền Dã Ngôn Ngữ Học		GT	Ngôn ngữ học điền dã : Tài liệu tham khảo, T.2 / W. J. Samarin. - TP. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Tổng hợp, 1978. - 127 tr. ; 31cm.	410.18 NG454N	1	1	C	1VLa00000041
187	Điền Dã Ngôn Ngữ Học		TK	Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam / Trần Trí Dồi. - Hà Nội : Đại học quốc gia, 1999. - 297 tr. ; 20 cm.	495.922 NGH305C	1	1	CR	1VVa9641
188	Điền Dã Ngôn Ngữ Học		TK	Ngôn ngữ học xã hội / Nguyễn Văn Khang. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2013.		GV cung cấp		C	VVa75245

189	Điền Dã Ngôn Ngữ Học		TK	Ngữ âm tiếng Việt / Đoàn Thiện Thuật. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1977. - 347 tr. ; 19 cm.	495.922 NG55	2,3,4	9	C	3VN30748
190	Điền Dã Ngôn Ngữ Học		TK	Bảng phiên âm quốc tế IPA				C	
191	Ký hiệu học		GT	Kí hiệu học : một số vấn đề cơ bản : đề tài cấp ĐHQG - HCM / Nguyễn Đức Dân. - TP. Hồ Chí Minh : [k.n.x.b.], 2006. - 196 tr. ; 30 cm.	302.2 K300H	1	1	CR	TLX420
192	Ký hiệu học		TK	Những vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học / M. B Khrapchenko; Trần Đình Sử dịch giả. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002. - 435 tr. ; 21 cm.	809 NH556V	1,2	3	CR	1VVa12281, 2VVa13018
193	Ký hiệu học		TK	Lý luận phê bình văn học phương Tây thế kỷ XX / Phương Lưu. - Hà Nội : Văn học, 2001. - 627 tr. ; 19 cm.	808 L600L	1,2,3,4,5,6	22	C	3VNa7142
194	Ký hiệu học		TK	Giáo trình ngôn ngữ học đại cương / Ferdinand De Saussure. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1973. - 398 tr. ; 20 cm.	401 GI-108T	1,2	3	C	1VV8608
195	Ký hiệu học		TK	Ký hiệu, nghĩa và phê bình văn học / Hoàng Trinh. - Hà Nội : Văn học, 1979. - 123 tr. ; 19 cm.	801.95 K600H	0,3,4,6	14	CR	3VV7332, 2GT6306
196	LỊCH SỬ NGÔN NGỮ HỌC: CÁC TRƯỜNG PHÁI		GT	Lược sử ngôn ngữ học. T.1 / Nguyễn Kim Thân. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1984. - 537 tr. ; 19 cm.	417 L557S	0,1.3.4	7	CR	3VN16596
197	LỊCH SỬ NGÔN NGỮ HỌC: CÁC TRƯỜNG PHÁI		TK	Đại cương ngôn ngữ học. T.2 / Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán. - Hà Nội : Giáo dục, 1993.	410 Đ103C	1,2,3	3	C	3VVa3638
198	Ngôn Ngữ Báo Chí		GT	Chơi chữ trên báo chí / Hoàng Anh // Ngôn ngữ. - 2003. - số 6. - tr.18-23.		Báo - tạp chí	2	C	

199	Ngôn Ngữ Báo Chí		GT	Một số vấn đề về sử dụng ngôn từ trên báo chí / Hoàng Anh. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 231 tr. ; 19 cm.	070.4 H6788A	Kho Sách (Tầng 2)	1 (TL hệ thống)	C	100002999
200	Ngôn Ngữ Báo Chí		GT	Ngôn ngữ của người dẫn chương trình trò chơi truyền hình / Hoàng Anh // Ngôn ngữ và đời sống. - 2004. - số 11. - tr. 8-12.		Báo - tạp chí	2	C	
201	Ngôn Ngữ Báo Chí		GT	Ngôn ngữ báo chí - Những vấn đề cơ bản / Nguyễn Đức Dân. - Hà Nội : Giáo dục, 2007. - 244 tr. ; 21 cm.	070.4 NG454N	1,2,3,4	8	C	VVa32004
202	Ngôn Ngữ Báo Chí		TK	Ngôn ngữ báo chí : giáo trình / Vũ Quang Hào. - Hà Nội : Thông Tấn, 2007. - 327 tr. ; 24 cm.	070.407 NG454N	1,2,3,4	6	C	VVa30114
203	Ngôn Ngữ Học Đại Cương		GT	Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học / Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng. - [Hà Nội] : Đại học sư phạm, 2007. - 187 tr. ; 24 cm.	410 GI-108T	1	1	CR	VVa48298
204	Ngôn Ngữ Học Đại Cương		GT	Cơ sở ngôn ngữ học / Nguyễn Thiện Giáp. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1998. - 262 tr. ; 20 cm.	410.1 C460S 1998	1,2,3	4	C	3VVa4709
205	Ngôn Ngữ Học Đại Cương		GT	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 751 tr. ; 24 cm.	495.922 T306V	1,2,3,4	5	CR	VVa73455
206	Ngôn Ngữ Học Đại Cương		TK	Giáo trình ngôn ngữ học đại cương : từ nguyên bản Pháp văn / Ferdinand De Saussure ; Cao Xuân Hạo dịch. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2005. - 436 tr. ; 21 cm.	410 GI-108T	1,2,3,4	6	CR	VVa17944
207	Ngôn Ngữ Học Đại Cương		TK	Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng. Q.1 / Cao Xuân Hạo - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1991.- 242 tr. ; 19 cm.	495.9225 T306V	1,2	2	CR	1VV5316

208	Ngôn Ngữ Học Đối Chiếu		GT	Contrasting languages : the scope of contrastive linguistics / Tomasz P. Krzyszowski. - Berlin ; New York : Mouton de Gruyter, 1990. - viii, 286 p. ; ill. ; 24 cm.	410 C764	1,2	2	C	1.31E+11
209	Ngôn Ngữ Học Đối Chiếu		GT	Contrastive analysis / Carl James. - Harlow, Essex : Longman, 1980. - v, 208 p. ; ill. ; 22 cm.	410 C764	2	1	C	AV15885
210	Ngôn Ngữ Văn Chương		GT	Ngôn ngữ văn chương / Hoàng Kim Ngọc. - H : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.		GV cung cấp		C	
211	Ngôn Ngữ Văn Chương		GT	Ngôn ngữ thơ / Nguyễn Phan Cảnh. - Hà Nội : Văn học, 2006. - 253 tr. ; 19 cm.	895.9221 NG454N	1,2,3,4	7	C	VNa15277
212	Ngôn Ngữ Văn Chương		GT	Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học / Phan Ngọc. - TP. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 221 tr. ; 20 cm.	809 C102G	1,2,3	4	C	3VVa6186
213	Ngôn Ngữ Văn Chương		TK	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học / Nguyễn Lai. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 232 tr. ; 20 cm.	400 NG454N	1	1	CR	1VVa4306
214	Ngôn Ngữ Văn Chương		TK	Ngôn ngữ thơ Việt Nam / Hữu Đạt. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2000. - 358 tr. ; 21 cm.	895.9223 NG454N	1,2	3	CR	1VVa6410
215	Ngữ Pháp Chức Năng Tiếng Việt		GT	Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng. Q.1 / Cao Xuân Hạo - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2017.		GV cung cấp		C	
216	Ngữ Pháp Chức Năng Tiếng Việt		TK	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2017. - 924 tr. ; 24 cm.	495.922 T306V	1,2,4	3	C	VVa73455
217	Ngữ Pháp Chức Năng Tiếng Việt		TK	Dẫn luận ngữ pháp chức năng = An introduction to functional grammar / M.A.K. Halliday; Hoàng Văn Vân dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004. - 612 tr. ; 24 cm.	410.1 D121L	1,2,4	3	C	1VVa24762

218	Ngữ Pháp Chức Năng Tiếng Việt		TK	Ngữ pháp chức năng = Functional Grammar / Simon C. Dik ; Nguyễn Văn Phổ... [và những người khác] dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học quốc gia, 2005. - 292 tr. ; 21 cm.	401 NG550P	1,2,3,4,5,6		C	1GT16895, 3VVa21236
219	Phong Cách Học Tiếng Việt		GT	Phong cách học Tiếng Việt / Đinh Trọng Lạc chủ biên ; Nguyễn Thái Hoà. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 319 tr. ; 21 cm.	495.9225 PH431C	4	3	C, (R-2006	4VVa3590
220	Phong Cách Học Tiếng Việt		TK	Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt / Cù Đình Tú. - Hà Nội : Giáo dục, 2001. - 328 tr. ; 24 cm.	495.95501 PH431C	1,2	2	CR	1VVa10761
221	Phong Cách Học Tiếng Việt		TK	Phong cách học tiếng Việt / Đinh Trọng Lạc. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - 356 tr. ; 20 cm.	495.92201 PH431C	1,2,3,4	4	CR	3VVa5041
222	Phong Cách Học Tiếng Việt		TK	Dẫn luận phong cách học / Nguyễn Thái Hòa. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 136 tr. ; 19 cm.	410.1 D121L	1	1	CR	1VNa2346
223	Phương ngữ học tiếng Việt		GT	Phương ngữ học tiếng Việt / Hoàng Thị Châu. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009. - 286 tr. : Bản đồ ; 21 cm.	495.9227 PH561N	1,2,3,4	4	C	VVa42354
224	Phương ngữ học tiếng Việt		TK	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 751 tr. ; 24 cm.	495.922 T306V	1,2,3,4	5	CR	VVa73455
225	Phương ngữ học tiếng Việt		TK	Âm tiết và loại hình ngôn ngữ / Nguyễn Quang Hồng. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1994. - 334 tr. ; 20 cm.	414 A104T	1,2	3	C	VVa69301
226	Phương ngữ học tiếng Việt		TK	Ngữ âm tiếng Việt / Đoàn Thiện Thuật. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003. - 365 tr. ; 19 cm.	495.922 NG550A	1	1	CR	VNa21933
227	Phương ngữ học tiếng Việt		TK	Dialectology / J.K. Chambers and Peter Trudgill. - Cambridge : Cambridge University Press, 1998. - xiv, 201 p. : ill., maps ; 24 cm.	417.2 D536	2	1	C	AV17978
228	Lý Thuyết Và Thực Hành Văn Bản		GT	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt / Diệp Quang Ban. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 244 tr. ; 20 cm.	495.92207 V115B	1,2,3,4	7	C	VVa32167

229	Lý Thuyết Và Thực Hành Văn Bản		GT	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt / Trần Ngọc Thêm. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 307 tr. ; 24 cm.	495.922 H250T	1,2	2	CR	VVa41088, VVa41087
230	Lý Thuyết Và Thực Hành Văn Bản		GT	Ngữ pháp văn bản / O. I. Moskalskaja; Trần Ngọc Thêm (Dịch giả). - Hà Nội : Giáo dục, 1996. - 258 tr. ; 19 cm.	415 NG500P	1	1	CR	1VV9066
231	Lý Thuyết Và Thực Hành Văn Bản		TK	Tiếng Việt thực hành / Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997. - 275 tr. ; 20 cm.	495.92207 T306V	1,2,3	3	CR	3VVa3750
232	Lý Thuyết Và Thực Hành Văn Bản		TK	Tiếng Việt thực hành / Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng. - Hà Nội : Giáo dục, 2017. - 280 tr. ; 21 cm.	495.92207 T306V	1,2,3,4	4	C	VVa73089
233	Các Phạm Trù Ngữ Pháp Của Vị Từ		GT	Verb Classes and Aspect/ Elisa Barrajón López - José Luis Cifuentes Honrubia - Susana Rodríguez Rosique. - John Benjamins Publishing Company. 2015		GV cung cấp		C	AV17979
234	Các Phạm Trù Ngữ Pháp Của Vị Từ		GT	Tense / Bernard Comrie. - Cambridge : Cambridge University Press, 1985. - [139] p. : ill. ; 24 cm.	415 T312	2	1	C	AV17980
235	Các Phạm Trù Ngữ Pháp Của Vị Từ		GT	Mood and modality / Palmer, F. R.. - 2nd ed. - Cambridge, UK ; New York : Cambridge University Press, 2001. - xxi, 236 p. ; 23 cm.	415	K. Ngữ văn Anh	1	CR	521804795
236	Các Phạm Trù Ngữ Pháp Của Vị Từ		TK	Vài suy nghĩ về cấu trúc bị động tiếng Pháp / Nguyễn Hoàng Trung // Ngôn ngữ. - 2014. - Số 3. - Tr.41-54.		Báo - tạp chí		C	
237	Các Phạm Trù Ngữ Pháp Của Vị Từ		TK	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 751 tr. ; 24 cm.	495.922 T306V	1,2,3,4	5	CR	VVa73455
238	Tiếng Anh Chuyên Ngành Ngôn Ngữ Học 1		GT	The study of language / George Yule. - Cambridge, UK : Cambridge University press, 2017. - 356 p. ; 25 cm.	401 S933	1,2	4	C	AV16035

239	Tiếng Anh Chuyên Ngành Ngôn Ngữ Học 1		TK	Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu Anh Việt - Việt Anh / Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2005. - 499 tr. ; 21 cm.	423 T550Đ	1,2	4	C	1TDV2263
240	Tiếng Anh Chuyên Ngành Ngôn Ngữ Học 2		GT	The study of language / George Yule. - Cambridge, UK : Cambridge University press, 2017. - 356 p. ; 25 cm.	401 S933	1,2	4	C	AV16035
241	Tiếng Anh Chuyên Ngành Ngôn Ngữ Học 2		TK	Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu Anh Việt - Việt Anh / Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2005. - 499 tr. ; 21 cm.	423 T550Đ	1,2	4	C	1TDV2263
242	Nhập Môn Các Lý Thuyết Cú Pháp		GT	Cú pháp tiếng Việt / Nguyễn Văn Hiệp. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. - 309 tr. ; 24 cm.	495.922 C500P	1,2,3,4	4	C	VVa74142
243	Nhập Môn Các Lý Thuyết Cú Pháp		GT	Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng. Q.1 / Cao Xuân Hạo - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1991.- 242 tr. ; 19 cm.	495.9225 T306V	1,2	2	CR	1VV5316
244	Nhập Môn Các Lý Thuyết Cú Pháp		GT	The study of language / George Yule. - Cambridge, UK : Cambridge University press, 2017. - 356 p. ; 25 cm.	401 S933	1,2	4	C	AV16035
245	Nhập Môn Các Lý Thuyết Cú Pháp		TK	Ngữ pháp tiếng Việt / Ủy ban khoa học xã hội. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1983. - 283 tr. ; 21 cm.	495.9225 NG550P	1,2	2	CR	3VV3379
246	Nhập Môn Các Lý Thuyết Cú Pháp		TK	Syntax: A Generative Introduction / Andrew Carnie. - 3rd ed.. - [Hoboken, New Jersey] : Oceana Publications, 2013. - xv, 526 p. ; 25 cm.	415	Khoa Ngữ văn Anh	1	C	9.78047E+12
247	Nhập Môn Ngôn Ngữ Học Ứng Dụng		GT	An introduction to applied linguistics / Alan Davies. - Edinburgh University Press, 2007.		GV cung cấp		C	

248	Nhập Môn Ngôn Ngữ Học Ứng Dụng		TK	An introduction to applied linguistics / Norbert Schmitt [edited]. - London : Hodder Education, 2010. - ix, 342 tr. ; 24 cm.	418	Khoa Ngữ văn Anh	1	C	9.78034E+12
249	Nhập Môn Ngôn Ngữ Học Ứng Dụng		TK	An introduction to sociolinguistics / Ronald Wardhaugh. -Blackwell, 1992		GV cung cấp		C	AV17714
250	Nhập Môn Ngôn Ngữ Học Ứng Dụng		TK	Translation/ Hatim.B & Munday.J. - Routledge, 2004.		GV cung cấp		C	
251	Ferdinand de Saussure và “Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương”		GT	Giáo trình ngôn ngữ học đại cương : từ nguyên bản Pháp văn / Ferdinand De Saussure ; Cao Xuân Hạo dịch. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 2005. - 436 tr. ; 21 cm.	410 GI-108T	1,2,3,4	6	CR	VVa17944
252	Ferdinand de Saussure và “Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương”		GT	Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương / V.B. Kasevich ; Trần Ngọc Thêm biên soạn. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 188 tr. ; 20 cm.	401 NH556Y	1,2,3,4	4	CR	3VVa4596
253	Từ Loại Và Vấn Đề Từ Loại Trong Tiếng Việt		GT	Categorial features : a generative theory of word class categories / Phoevos Panagiotidis. - United Kingdom : Cambridge University press, 2015. - 207 p. ; 22 cm.	415 C357	1,2	2	C	AV17686
254	Từ Loại Và Vấn Đề Từ Loại Trong Tiếng Việt		GT	Word classes : nature, typology and representations / Raffaele Simone. - John Benjamins Publishing, 2014	412 W924	1,2	2	C	AV17947
255	Từ Loại Và Vấn Đề Từ Loại Trong Tiếng Việt		TK	Ngữ pháp tiếng việt : tiếng - từ ghép - đoản ngữ / Nguyễn Tài Cẩn. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998. - 397 tr. ; 19 cm.	495.9225 NG550P	1	1	C, (R-1996)	VNa18598
256	Từ Loại Và Vấn Đề Từ Loại Trong Tiếng Việt		TK	Ngữ pháp tiếng Việt / Ủy ban khoa học xã hội. - Hà Nội : Khoa học Xã hội, 1983. - 283 tr. ; 21 cm.	495.9225 NG550P	1,2	2	CR	3VV3379
257	Từ Loại Và Vấn Đề Từ Loại Trong Tiếng Việt		TK	Ngữ pháp tiếng Việt. T.1 / Diệp Quang Ban. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2016. - 191 tr. ; 21 cm.	495.922 NG550P	1,2,3,4	5	C	VVa70748

258	Từ Loại Và Vấn Đề Từ Loại Trong Tiếng Việt		TK	Ngữ pháp tiếng Việt. T.2 / Diệp Quang Ban. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2015. - 259 tr. ; 21 cm.	495.922 NG550P	1,2,3,4	5	C	VVa70743
259	Từ Hán Việt (Từ Vựng Gốc Hán Trong Tiếng Việt)		GT	Tập bài giảng môn Tiếp xúc ngôn ngữ Việt Hán và lớp từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt / Nguyễn Đình Phúc, 2010.		GV cung cấp		C	
260	Từ Hán Việt (Từ Vựng Gốc Hán Trong Tiếng Việt)		GT	Từ ngoại lai trong tiếng Việt / Nguyễn Văn Khang. - Hà Nội : Giáo dục, 2007. - 463 tr. ; 21 cm.	495.922 T550N	1,2	2	C	VVa32957
261	Từ Hán Việt (Từ Vựng Gốc Hán Trong Tiếng Việt)		GT	Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán - Việt / Nguyễn Tài Cẩn. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000. - 353 tr. ; 24 cm.	495.1809 NG517G	1,2	4	CR	1VVa11198
262	Từ Hán Việt (Từ Vựng Gốc Hán Trong Tiếng Việt)		TK	Từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt / Lê Đình Khản. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học quốc gia Hồ Chí Minh, 2002. - 420 tr. ; 21 cm.	495.9227 T550V	1,2,3,4,5,6	25	CR	3VVa12035
263	Từ Hán Việt (Từ Vựng Gốc Hán Trong Tiếng Việt)		TK	Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử / Nguyễn Ngọc San. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2003. - 276tr. : hình vẽ ; 20cm.	495.92201	Kho 7	2	CR	VN 1206/2004
264	Logic Hình Thức Và Logic Phi Hình Thức		GT	Lôgic và tiếng Việt / Nguyễn Đức Dân. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 411 tr. ; 20 cm.	495.92209 L450G	1,3	2	CR	VVa39650
265	Logic Hình Thức Và Logic Phi Hình Thức		GT	Linguistics and Natural Logic / G. Lakoff. - Paris, 1970.				R(Ebook)	
266	Logic Hình Thức Và Logic Phi Hình Thức		TK	Lô gích - ngữ nghĩa - cú pháp / Nguyễn Đức Dân. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1987. - 317 tr.		GV cung cấp		C	

267	Logic Hình Thức Và Logic Phi Hình Thức		TK	Everything that linguists have always wanted to know about logic but were ashamed to ask / James D. McCawley. - Chicago : The University of Chicago, 1993. - 633 p. ; 23 cm.	401 E93	1	1	CR	1AV3979
268	Các vấn đề về ngữ pháp hóa		GT	Grammaticalization / Paul J. Hopper, Elizabeth Closs Traugott. - Cambridge : Cambridge University press, 2003. - xx, 276 p. : ill. ; 24 cm.	415 G745	1	1	C	AV17977
269	Các vấn đề về ngữ pháp hóa		TK	Thoughts on grammaticalization / Christian Lehmann. - Berlin : Language Science Press, 2015. -	415 T524	1	1	C	1.31E+11
270	Các vấn đề về ngữ pháp hóa		TK	Studies on grammaticalization / edited by Elisabeth Verhoeven ... [et al.]. - Berlin ; New York : Mouton de Gruyter, 2008. - x, 324 p. : ill. ; 24 cm.	415 S933	1	1	C	1.31E+11
271	Nhập Môn Tình Thái Và Tình Thái Tiếng Việt		GT	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa / Cao Xuân Hạo. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 751 tr. ; 24 cm.	495.922 T306V	1,2,3,4	5	CR	VVa73455
272	Nhập Môn Tình Thái Và Tình Thái Tiếng Việt		GT	Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp / Nguyễn Văn Hiệp. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2012. - 383 tr. ; 21 cm.	495.9225 C460S	1,2,4	3	C	VVa73458
273	Nhập Môn Tình Thái Và Tình Thái Tiếng Việt		TK	Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học / Nguyễn Văn Hiệp, Lê Đông// Ngôn ngữ. - 2003. - Số 8. - Tr. 56 - 65.		Báo - tạp chí	2	CR	
274	Nhập Môn Tình Thái Và Tình Thái Tiếng Việt		TK	Tiêu từ tình thái cuối câu một trong những phương tiện chủ yếu diễn đạt ý nghĩa tình thái trong tiếng Việt / Phạm Thị Ly // Ngôn ngữ. - 2002 Số 167. - Tr. 18 - 27.		Báo - tạp chí	2	R(Bài trích TC)	
275	Ngôn Ngữ Học Tâm Lý		GT	Cơ sở tâm lý học dạy học ngoại ngữ / Trần Hữu Luyện. - In lần thứ 1. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008. - 463tr ; 21 cm.	370.15	GV cung cấp	3	C	1.01E+14

276	Ngôn Ngữ Học Tâm Lý		GT	Những bình diện tâm lý ngôn ngữ học / Trần Hữu Luyến. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010. - 358 tr. ; 21 cm.	401 NH556	1	1	CR	VVa52478
277	Ngôn Ngữ Học Tâm Lý		TK	The psychology of language : from data to theory / Trevor A. Harley. - Hove, East Sussex : Psychology Press, Taylor & Francis Group, 2014. - xv, 607 p. ; 25 cm.	401.9 P974	1	1	C	AV18287
278	Ngôn Ngữ Học Tâm Lý		TK	Psycholinguistics : introduction and applications / Lise Menn, Nina F. Dronkers. - San Diego, CA : Plural Publishing, Inc., [2017]. - xxi, 526 p. : illustrations ; 26 cm.	410.19 P974	1,2	2	C	AV17666/ ISBN 9781597567121
279	Ngôn Ngữ Học & Lý Thuyết Dịch		GT	Introducing translation studies : theories and applications / Jeremy Munday. - London New York : Routledge, 2016. - xvi, 376 p. ; 26 cm.	418 I-61	2	1	C	AV16049
280	Ngôn Ngữ Học & Lý Thuyết Dịch		GT	Nhập môn nghiên cứu dịch thuật : lý thuyết và ứng dụng / Jeremy Munday ; Trịnh Lữ dịch. - Hà Nội : Tri Thức, 2009. - 303 tr. ; 24 cm.	418 NH123M	1,2,3,4	7	C	VVa39477
281	Ngôn Ngữ Học & Lý Thuyết Dịch		TK	A linguistic theory of translation : an essay in applied linguistics / J.C. Catford. - London : Oxford University Press, 1965. - viii, 103 p. ; 29 cm.	401	Khoa Ngữ văn Anh	2	CR	194370186
282	Ngôn Ngữ Học & Lý Thuyết Dịch		TK	Theories of Translation / E. Nida, 1991. http://id.erudit.org/iderudit/037079ar				C	
283	Ngôn Ngữ Học & Lý Thuyết Dịch		TK	In other words : a coursebook on translation / Mona Baker. - 2nd ed.. - Abingdon, Oxon. ; New York, NY : Oxford University Press, 2011. - 332 p. ; 26 cm.	418.02	K. Ngữ văn Anh	1	C	9780415467544

284	Ngôn Ngữ Học & Lý Thuyết Dịch		TK	Language universals and linguistic typology / Bernard Comrie. - Chicago : University of Chicago Press, 1981.		GV cung cấp		C	AV17668
285	Soạn Thảo Và Biên Tập Văn Bản Hành Chính		GT	Giáo trình văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản / Lê Văn In chủ biên ; Nghiêm Kỳ Hồng, Đỗ Văn Học. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2013. - 341 tr. ; 21 cm.	342.597 GI-108T	1,2,3,4,5,6	22	C	VVa54703
286	Soạn Thảo Và Biên Tập Văn Bản Hành Chính		GT	Soạn thảo văn bản và công tác văn thư, lưu trữ / Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 244 tr. ; 24 cm.	615.8 S406T	1,2,3,4	5	C	3VVa22572
287	Soạn Thảo Và Biên Tập Văn Bản Hành Chính		TK	Soạn thảo và xử lý văn bản nhà nước / Nguyễn Văn Thâm. - Hà Nội : Chính trị Quốc gia, 2003.		GV cung cấp		C	3VNa7817
288	Soạn Thảo Và Biên Tập Văn Bản Hành Chính		TK	Thông tư của Bộ Nội vụ số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.				C	
289	Ngôn Ngữ Quảng Cáo		GT	Ngôn ngữ truyền thông và tiếp thị / Đinh Kiều Châu. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,		GV cung cấp		C	VVa74199
290	Ngôn Ngữ Quảng Cáo		TK	Đại cương ngôn ngữ học. T.2, Ngữ dụng học / Đỗ Hữu Châu. - H. : Giáo dục, 2001. - 428 tr. ; 20 cm.	410 Đ103C	1,2,3,4	4	C, (R-2007	3VVa10776
291	Ngôn Ngữ Quảng Cáo		TK	Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học / Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng. - [Hà Nội] : Đại học sư phạm, 2007. - 187 tr. ; 24 cm.	410 GI-108T	1	1	CR	VVa48298
292	Ngôn Ngữ Quảng Cáo		TK	How to do things with words / J. L. Austin. - Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, 1962		GV cung cấp		C	AN3019

293	Ngôn Ngữ Quảng Cáo		TK	The language of advertising : written texts / Angela Goddard. - London ; New York : Routledge, 1998. - ix, 134 p. : ill. ; 25 cm.	401 L287	1	1	C	AV4726
294	Ngôn Ngữ Và Giới		GT	Cơ sở tâm lý học dạy học ngoại ngữ / Trần Hữu Luyện. - In lần thứ 1. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008. - 463tr ; 21 cm.	370.15	GV cung cấp	3	C	#####
295	Ngôn Ngữ Và Giới		GT	Ngôn ngữ học xã hội / Nguyễn Văn Khang. - Hà Nội : Khoa học Xã hộ, 2012		GV cung cấp		C	VVa75245
296	Ngôn Ngữ Và Giới		TK	Language and gender / Penelope Eckert, Sally McConnell-Ginet. - Cambridge ; New York : Cambridge University Press, 2013. - xiii, 320 p. : illustrations ; 26 cm.	306.44 L287	2	1	C	AV17974/ ISBN: 9781107659360
297	Ngôn Ngữ Và Giới		TK	Language and gender / Mary M. Talbot. - Cambridge : Polity Press, 2020. - xiii, 285 p. : illustrations ; 23 cm.	306.44 L287	1	1	C	AV18299
298	Nhập Môn Phân Tích Diễn Ngôn		GT	Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản / Diệp Quang Ban. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2009. - 559 tr. ; 24 cm.	495.922 GI-108T	1	1	C	VVa41042
299	Nhập Môn Phân Tích Diễn Ngôn		GT	Dẫn nhập phân tích diễn ngôn / David Nunan ; Hồ Mỹ Huyền, Trúc Thanh dịch ; Diệp Quang Ban hiệu đính. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - 183 tr. ; 21 cm.	410 D121N	1,2,3	4	C	3VVa4869
300	Nhập Môn Phân Tích Diễn Ngôn		GT	Phân tích diễn ngôn / Gillian rown, George Yule ; Trần Thuần dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002. - 419 tr. ; 21 cm.	410.1 PH121T	2	1	C	VVa71918
301	Nhập Môn Phân Tích Diễn Ngôn		TK	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt / Trần Ngọc Thêm. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 307 tr. ; 24 cm.	495.922 H250T	1,2	2	CR	VVa41088
302	Nhập Môn Phân Tích Diễn Ngôn		TK	Discourse analysis / Barbara Johnstone. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, Inc., 2018. - xiv, 290 p. ; 25 cm.	401.41 D611	2	1	C	AV17975

303	THỤ ĐẶC NGÔN NGỮ VÀ GIÁO DỤC NGÔN NGỮ		GT	Phương pháp hiện đại dạy học ngoại ngữ/ Bùi Hiền : Nxb ĐHQGHN, 1999. - 203 tr. ; 21 cm.	370.7 PH561P 1999	1,2,3,4	4	C	3VVa23526
304	THỤ ĐẶC NGÔN NGỮ VÀ GIÁO DỤC NGÔN NGỮ		GT	Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ/ Colin Baker : NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2008. - 571 tr. ; 21 cm.	407 NH556C 2008	1,2,3,5	10	C	VVa34584
305	THỤ ĐẶC NGÔN NGỮ VÀ GIÁO DỤC NGÔN NGỮ		TK	Second Language Acquisition: An Introductory Course (4th edition)/ Susan Gass : Routledge, 2013. - 623 p. ; 27 cm.	418 S445 2013	1,2	2	C	AV17707
306	NGÔN NGỮ HỌC NGỮ LIỆU		GT	Ngôn ngữ học Ngữ liệu/ Đinh Điền . - Tp HCM: NXB. ĐHQG-HCM, 2019. - 341 tr. : minh họa ; 24 cm	410.285	TV KHTH Kho mở I	2	C	VV 1131/2020
307	NGÔN NGỮ HỌC NGỮ LIỆU		GT	Corpus Linguistics/ Tony McEnery and Andrew Wilson. - UK: Oxford University Press, 2001. - 235 p. : ill. ; 24 cm.	418 C822 2001	1	1	C	131000077687
308	NGÔN NGỮ HỌC NGỮ LIỆU		TK	Corpus Linguistics and Linguistically annotated corpora/ Sandra Kubler and Heike Zinsmeister . - USA: Bloomsbury Publishing Plc, 2015. - viii, 312 p. ; 25 cm.	410.188 C822 2015	2	1	C	AV18284
309	NGÔN NGỮ HỌC NGỮ LIỆU		TK	Corpus Linguistics for Translation and Contrastive Studies/ Mikhail Mikhailov and Robert Cooper . - USA-NY: Routledge Publisher, 2016. - xxiii, 233 p. : illustrations ; 24 cm.	418.020285 C822 2016	1	1	C	AV18291
310			TK	Introduction to Linguistic Annotation and Text Analytics/ Graham Wilcock. - USA: Morgan & Claypool Publishers, 2009. - x, 149 p. ; 24 cm.	410.285 I-61 20	1	1	C	AV18300

311	Ngôn ngữ trong giao tiếp liên văn hoá	Nguyễn Hoàng Trung	GT	Introducing language and intercultural communication/ Jackson, J. - London. Routledge, 2014		Khoa Ngôn ngữ học		C	
312	Ngôn ngữ trong giao tiếp liên văn hoá	Nguyễn Hoàng Trung	TK	Intercultural competence: interpersonal communication across cultures/ Lustig, M. W. and Koester, J. - Pearson Education, 2012		Khoa Ngôn ngữ học		C	
313	Ngôn ngữ trong giao tiếp liên văn hoá	Nguyễn Hoàng Trung	TK	Language and culture at work/ Schnurr, S. and Zayts, O. - Routledge, 2017		Khoa Ngôn ngữ học		C	
314	DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC PHÁP LÝ	Nguyễn Hoàng Trung	GT	An introduction to forensic linguistics/ Coulthard, M. & Johnson, A. - London; New York: Routledge, 2007		Khoa Ngôn ngữ học		C	
315	DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC PHÁP LÝ	Nguyễn Hoàng Trung	GT	Forensic Linguistics/ Olson, J. - Continuum, 2008		Khoa Ngôn ngữ học		C	
316	Ngữ pháp và Nghĩa	Nguyễn Hoàng Trung	GT	An Introduction to Functional Grammar/ Halliday, M.A.K. - London: Arnold (2nd edition), 2004. - x, 689 p. : ill. ; 25 cm.	415 H188M 2004	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100013297
317	Ngữ pháp và Nghĩa	Nguyễn Hoàng Trung	TK	Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng/ Cao Xuân Hạo . - Nxb Khoa học Xã hội, 2006. - 497 tr. ; 24 cm.	495.9225 T306V 2006	1,2,3,4	6	C	3VVa21980
318	Ngữ pháp và Nghĩa	Nguyễn Hoàng Trung	TK	An Introduction to Systemic Functional Linguistics/ Eggins, Suzanne . - London: Continuum, 2000. - xi, 360 p. : ill. ; 24 cm.	415 E297S 2000	TVTT-Kho Sách (Tầng 2)	1	C	100013121
319	Ngữ pháp và Nghĩa	Nguyễn Hoàng Trung	TK	Working with Functional Grammar/ Martin, J. R., Christian Matthiessen and Clare Painter . - London: Arnold, 1997		Khoa Ngôn ngữ học		C	

320	Ngôn ngữ trong các chu cảnh xã hội	Nguyễn Hoàng Trung	GT	Language and Social Contexts (1st edition)/ Coulta, A. - Routledge, 2003		Khoa Ngôn ngữ học		C	
321	Ngôn ngữ trong các chu cảnh xã hội	Nguyễn Hoàng Trung	TK	An Introduction to Sociolinguistics (5th edition)/ Holmes, J. and Wilson, N. - London, U.K.: Taylor and Francis, 2017		Khoa Ngôn ngữ học		C	
322	NHẬP MÔN NGÔN NGỮ HỌC LÂM SÀNG	Nguyễn Hoàng Trung	GT	Clinical Linguistics/ Cummings, L. - Edinburgh University Press, 2008		Khoa Ngôn ngữ học		C	
323	NHẬP MÔN NGÔN NGỮ HỌC LÂM SÀNG	Nguyễn Hoàng Trung	GT	Clinical Linguistics/ Crystal, D. - Springer Verlag Wien. NewYork, 1981		Khoa Ngôn ngữ học		C	
324	NHẬP MÔN NGÔN NGỮ HỌC LÂM SÀNG	Nguyễn Hoàng Trung	TK	Manual of Clinical Linguistics/ Martin, J. B. - Routledge, 2021		Khoa Ngôn ngữ học		C	
325	NHẬP MÔN NGÔN NGỮ HỌC LÂM SÀNG	Nguyễn Hoàng Trung	TK	Introductory Linguistics for Speech and Language Therapy Practice/ McAllister, J. and Miller, J. - Chichester: Wiley-Blackwell, 2013		Khoa Ngôn ngữ học		C	
326	NHẬP MÔN NGÔN NGỮ HỌC LÂM SÀNG	Nguyễn Hoàng Trung	TK	Communication and Communication Disorders: A Clinical Introduction/ Plante, E. & Beeson, P.M. - Boston: Allyn & Bacon, 2003		Khoa Ngôn ngữ học		C	

CHÚ THÍCH: NƠI LƯU TRỮ

Lưu ý: Đối với nguồn tài liệu tại Thư viện Trường ĐHKHXH&NV Tp. HCM.

Kho 0	Kho lưu
Kho 1	Phòng đọc 1 – Cơ sở 1 Đinh Tiên Hoàng
Kho 2	Phòng đọc 2 – Cơ sở 2 Linh Trung–Thủ Đức
Kho 3	Phòng mượn – Cơ sở 1 Đinh Tiên Hoàng
Kho 4	Phòng mượn – Cơ sở 2 Linh Trung–Thủ Đức

Đối với nguồn tài liệu tại các thư viện ngoài Thư viện Trường ĐHKHXH&NV Tp. HCM

TVTT	Thư viện Trung tâm
TVKHTH	Thư viện Khoa học Tổng hợp
TVĐHM	Thư viện Đại học Mở
VTNMT	Viện Tài nguyên Môi trường
TVĐHKTL	TVĐHKTL Đại học Kinh tế - Luật
TVĐHBK	TVĐHBK Đại học Bách Khoa
TVĐHQT	TVĐHQT Đại học Quốc tế